

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2021

“V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh T

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thái Trang - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không tham gia phiên toà

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2020/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Huyền Tr - sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 67/1, ấp V, xã Đ, huyện Th, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm: 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Phan Thị Huyền Tr trình bày: Chị và anh Trần Văn T tự tìm hiểu nhau, tổ chức lễ cưới vào năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, vợ chồng thường cãi nhau, anh T không chung thủy. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống

ly thân cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Cẩm T1 - sinh ngày: 19/10/2011. Chị Tr đang nuôi dưỡng con. Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr cũng như tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T không nộp bản tự khai cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện.

Tại bản tự khai, cháu T1 có nguyện vọng tiếp tục chung sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Tr khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt do bận làm ăn xa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Huyền Tr và anh Trần Văn T cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị Tr xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn không phù hợp tính ý, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh T nhiều tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đó, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2013 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....”*. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr, anh không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Chị Tr vẫn cương quyết ly hôn nên có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị Tr và Giấy khai sinh có cơ sở xác định trong quá trình chung sống chị Tr và anh T có 01 con chung tên Trần Cẩm T1- sinh ngày: 19/10/2011. Chị Tr đang nuôi dưỡng con. Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Xét thấy cháu Tú hiện do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T1 hiện trên 7 tuổi và có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng với mẹ, cháu đang phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao Trần Cẩm Tú cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

Do chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Tr phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005764 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Cẩm T1 - sinh ngày: 19/10/2011 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không yêu cầu.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Tr phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005764 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Thúy An